TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034401)
Ngày thi: 07/11/2023
Giờ thi: 14g45
Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210124	Trần Thị Tuyết	Băng	30/12/2004	CCQ2221D	101	Băng	6,0	6.5	6.3
2	2122210197	Trần Thị Linh	Chi	28/01/2004	CCQ2221D	102	Chi	6,2	3.2	4.4
3	2122210126	Võ Ngọc	Đang	14/08/2004	CCQ2221D	103	Đang	7,7	5.2	6.2
~~4~~	~~2122210090~~	~~Nguyễn Thành~~	~~Đạt~~	~~18/09/2004~~	~~CCQ2221C~~			~~0,0~~		
5	2122210164	Nguyễn Ngọc	Đức	25/02/2004	CCQ2221C	101	Đức	6,3	5.3	5.7
6	2122210099	Hồ Đắc	Duy	04/04/2004	CCQ2221C	102	Duy	5,0	3.7	4.2
7	2122210106	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/08/2004	CCQ2221C	103	Hà	7,8	6.0	6.7
8	2122210080	Phạm Thị Thu	Hào	25/11/2004	CCQ2221C	104	Hào	7,3	5.2	6.1
9	2122210144	Nguyễn Lệ	Hoa	15/09/2004	CCQ2221D	101	Hoa	5,8	4.3	5.0
10	2122210081	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	16/11/2004	CCQ2221C	102	Hoa	6,7	7.5	7.2
11	2122210007	Tạ Thị Thu	Hồng	25/04/2003	CCQ2221A	103	Hồng	6,8	6.0	6.3
~~12~~	~~2122210010~~	~~Sử Nhất~~	~~Huy~~	~~25/08/2003~~	~~CCQ2221A~~	~~101~~	~~Nghỉ~~	~~0,0~~	Vắng	
13	2122210196	Nguyễn Gia	Hy	16/07/2004	CCQ2221C	101	Nghỉ	6,1	6.8	6.5
~~14~~	~~2122210082~~	~~Đặng Trung~~	~~Kiên~~	~~19/04/2004~~	~~CCQ2221C~~			~~4,8~~		
15	2122210091	Hồ Thị	Kiều	22/08/2004	CCQ2221C	101	Thu Kiều	7,6	7.3	7.4
16	2122210146	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	17/06/2004	CCQ2221D	104	Lan	7,3	6.8	7.0
17	2122210116	Nguyễn Thị Thanh	Lan	26/02/2004	CCQ2221D	103	Lan	7,6	7.2	7.4
18	2122210181	Võ Thị	Lan	23/02/2004	CCQ2221C	102	Lan	7,5	5.7	6.4
19	2122210190	Hoàng Thị	Loan	16/03/2004	CCQ2221D	101	Loan	9,0	8.8	8.9
20	2122270047	Lê Thị Hồng	Loan	22/10/2004	CCQ2221C	104	Loan	6,5	4.8	5.5
21	2122210085	Trần Thị Cúc	Loan	23/12/2004	CCQ2221C	103	Loan	5,6	5.0	5.2
22	2122210098	Văn Thị Tuyết	Loan	10/03/2004	CCQ2221C	102	Loan	6,9	5.5	6.1
23	2122210199	Phan Ái	Luân	01/09/2004	CCQ2221C	103	Luân	6,9	5.3	5.9
24	2122210079	Trần Thị Thanh	Mai	09/11/2004	CCQ2221C	104	Mai	1,2	4.8	3.3
~~25~~	~~2122210092~~	~~Nguyễn Quốc~~	~~Mạnh~~	~~06/01/2004~~	~~CCQ2221C~~			~~0,3~~		
26	2122210087	Nguyễn Thị	Mến	13/07/2004	CCQ2221C	102	Mến	8,3	6.5	7.2
27	2121210118	Quản Lê	Minh	05/01/2002	CCQ2121D	103	Minh	6,9	5.5	6.1
28	2122210186	Nguyễn Võ Trà	My	13/05/2004	CCQ2221D	104	My	7,3	8.0	7.7

Ngày in: 06/11/20

Scanned with ACE Scanner

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034401)

Ngày thi: 07/11/2023 Số SV có mặt: 29

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 29

Phòng thi: B103 Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122210136	Trần Thúy	Nga	03/02/2004	CCQ2221D	104		8,3	6.5	7.2

Ngày in: 06/11/202

Scanned with ACE Scanner

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034402)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 7

Số bài thi: 7

Số tờ giấy thi: 7

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210156	Trần Sĩ	Đan	19/12/2004	CCQ2221LA	102		8,1	8,5	8,3
2	2122210158	Lê Thị Bích	Hân	13/05/2004	CCQ2221LA	103		8,0	9.2	8,7
3	2122210155	Phạm Thị Thanh	Hằng	26/04/2004	CCQ2221LA	104		8,1	9.2	8,8
4	2122210166	Trần Hoàng	Khôi	27/02/2001	CCQ2221LA	101		8,1	9.0	8,6
5	2122210154	Bùi Thị Hằng	My	28/04/2003	CCQ2221LA	102		8,1	8.8	8,5
6	2122210157	Võ Thị Huệ	Thư	12/10/2004	CCQ2221LA	103		8,1	9.2	8,8
7	2122210159	Nguyễn Minh	Tuấn	29/11/2004	CCQ2221LA	104		8,0	9.3	8,8

Ngày in: 03/11/2023

Scanned with ACE Scanner

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034401)
Ngày thi: 07/11/2023 Số SV có mặt: 29
Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 29
Phòng thi: A505 Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210114	Dương Thị Thùy	Ngân	05/04/2004	CCQ2221C	101		7,9	7.0	7.4
2	2122210182	Nguyễn Xuân	Nghi	04/02/2004	CCQ2221C	103		7,5	5.3	6.2
3	2122210153	Lê Thị Hồng	Ngọc	11/04/2004	CCQ2221D	102		7,1	7.0	7.0
4	2122210127	Trương Thị Kim	Ngọc	17/11/2004	CCQ2221D	101		6,7	6.8	6.7
5	2122210101	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	21/05/2004	CCQ2221C	104		6,9	7.8	7.4
6	2122210093	Lê Phương	Nhi	07/01/2004	CCQ2221C	102		6,9	6.2	6.5
7	2122210137	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	18/09/2002	CCQ2221D	102		7,3	7.0	7.1
~~8~~	~~2122210119~~	~~Huỳnh Phương~~	~~Nhung~~	~~11/06/2004~~	~~CCQ2221D~~			0,0		
9	2122210148	Phan Tuyết	Nhung	22/08/2004	CCQ2221D	103		5,2	3.7	4.3
10	2122210108	Phan Thị Kiều	Oanh	24/02/2004	CCQ2221C	104		8,0	7.0	7.4
11	2122210100	Trần Văn	Phát	18/06/2004	CCQ2221C	102		7,8	6.2	6.8
12	2122210134	Hồ Hoàng Như	Phúc	27/01/2004	CCQ2221D	101		6,8	7.3	7.1
13	2122210123	Lê Thị	Phương	16/01/2004	CCQ2221D	104		7,0	7.3	7.2
14	2122210102	Quách Thị Như	Phương	24/09/2004	CCQ2221C	103		6,5	7.0	6.8
15	2122210135	Bùi Thị Bích	Quy	30/09/2004	CCQ2221D	103		7,3	7.5	7.4
16	2122210133	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/10/2004	CCQ2221D	101		5,2	3.3	4.0
17	2122210095	Quách Thanh	Thanh	19/05/2004	CCQ2221C	104		7,7	5.8	6.5
18	2122210129	Nguyễn Vân Phương	Thảo	29/03/2004	CCQ2221E	101		8,3	5.0	6.3
19	2122210128	Trần Lê Quốc	Thịnh	11/02/2004	CCQ2221D	103		7,5	6.5	6.9
20	2122210122	Phan Thị Anh	Thư	24/04/2003	CCQ2221E	102		7,8	6.3	6.9
21	2122210023	Ngô Thị Kiều	Tiên	05/09/2004	CCQ2221A	104		6,5	4.7	5.4
22	2122210142	Đặng Thị Bích	Til	15/04/2004	CCQ2221D	103		1,8	7.8	5.4
23	2122210130	Lê Thị Mỹ	Tình	04/08/2004	CCQ2221D	102		8,3	5.7	6.8
24	2122210143	Dương Thị Bé	Trâm	12/07/2003	CCQ2221D	101		6,5	5.3	5.8
25	2122210188	Mai Hương	Trầm	02/09/2003	CCQ2221D	104		7,7	8.0	7.9
26	2122210191	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	04/10/2004	CCQ2221D	103		7,2	6.8	6.9
27	2122210120	Trần Nguyễn Lan	Trinh	02/12/2004	CCQ2221D	102		7,1	4.5	5.5
28	2122210139	Lê Thanh	Trúc	12/03/2004	CCQ2221D	104		6,3	6.8	6.6

Ngày in: 06/11/202

Scanned with ACE Scanner

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034401)
Ngày thi: 07/11/2023
Giờ thi: 14g45
Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 29
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122210121	Nguyễn Trương Dạ	Uyên	15/09/2004	CCQ2221D	101		8,0	7.3	7.6
30	2122210118	Phạm Võ Như	Ý	12/12/2004	CCQ2221D	103		8,7	7.2	7.8

Ngày in: 06/11/20

Scanned with ACE Scanner

ƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034403)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210026	Nguyễn Thân Kiều	My	16/01/2004	CCQ2221A	104	My.	8,2	6.7	7.3
2	2122210046	Nguyễn Thị	My	27/09/2004	CCQ2221B	103		6,8	6.5	6.6
3	2122210034	Võ Nguyễn Thảo	My	22/02/2004	CCQ2221A	104		8,1	5.7	6.7
4	2122210030	Nguyễn Huỳnh Chi	Mỹ	01/06/2004	CCQ2221A	103		7,7	6.8	7.2
5	2122210061	Lê Thị Phương	Nam	23/01/2004	CCQ2221B	104	Nam	8,5	8.2	8.3
6	2122210002	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	14/07/2004	CCQ2221A	103		7,6	7.7	7.7
7	2122210058	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	17/10/2004	CCQ2221B	104		8,2	7.7	7.9
8	2122210175	Đỗ Thị Bích	Nguyệt	26/04/2004	CCQ2221B	101		8,1	7.2	7.6
9	2122210025	Lê Thị Trúc	Nhi	23/12/2004	CCQ2221A	102		8,1	6.0	6.9
10	2122210015	Huỳnh Tố	Như	10/05/2003	CCQ2221A	101		6,9	6.7	6.8
11	2122210170	Nguyễn Thị	Như	25/06/2004	CCQ2221A	102		8,7	7.0	7.7
12	2122210013	Lê Thị Huỳnh	Nhung	24/03/2004	CCQ2221A	101		6,6	6.7	6.7
13	2122210048	Lê Ánh	Phúc	18/08/2004	CCQ2221B	102		6,5	6.7	6.6
14	2122210052	Lê Thanh	Quân	12/05/2004	CCQ2221B	101		9,2	7.3	8.1
15	2122210076	Mai Như	Quỳnh	27/02/2004	CCQ2221B	102		7,8	7.2	7.4
16	2122210045	Lữ Minh	Thi	26/09/2004	CCQ2221B	101		6,9	5.3	6.0
17	2122210059	Bùi Thanh Bích	Thiện	28/03/2004	CCQ2221B	102		7,0	6.7	6.8
18	2122210063	Nguyễn Võ Minh	Thư	12/04/2004	CCQ2221B	101		8,1	7.2	7.5
19	2122210067	Trần Thị Nghi	Thường	20/11/2004	CCQ2221B	102		8,1	6.8	7.3
20	2122210040	Trần Thị Lệ	Thùy	10/10/2004	CCQ2221B	101		8,1	6.7	7.3
21	2122210001	Đặng Thị Bích	Thủy	01/04/2004	CCQ2221A	104		6,8	6.8	6.8
22	2122210193	Trương Xuân	Tiến	18/03/1999	CCQ2221E	102		7,7	5.2	6.2
23	2122210173	Trần Thanh	Toản	02/06/2003	CCQ2221B	104		6,8	4.3	5.3
24	2122210066	Lê Nguyễn Thu	Trang	30/04/2004	CCQ2221B	103		7,6	6.0	6.6
25	2122210050	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/08/2003	CCQ2221B	104		6,4	6.5	6.5
26	2122210039	Trần Thanh	Truyền	14/03/2004	CCQ2221E	103		7,0	6.7	6.8
27	2122210056	Võ Ngọc	Tùng	17/12/2004	CCQ2221E	103		8,0	5.7	7.2

Ngày in: 03/11/2023

Scanned with ACE Scanner

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

17

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034403)
Ngày thi: 07/11/2023
Giờ thi: 14g45
Phòng thi: B105
Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 16

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210161	Hoàng Duy	Anh	18/06/2004	CCQ2221A	101		7,2	4.7	5.7
2	2122210162	Trần Quốc	Bảo	10/06/2004	CCQ2221B	104		8,1	4.7	6.0
3	2122210169	Trần Thị Kim	Châu	09/10/2003	CCQ2221A	103	Châu	8,2	8.2	8.2
4	2122210194	Huỳnh Ngọc Linh	Đan	29/09/2004	CCQ2221A	102		8,1	6.0	6.8
5	2122210160	Nguyễn Linh	Đan	22/10/2004	CCQ2221A	101	Đan	7,7	5.8	6.5
6	2122210008	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	18/05/2004	CCQ2221A	104		8,0	8.8	8.5
7	2122210075	Phạm Ngọc	Diệp	18/09/2004	CCQ2221B	103		8,1	7.7	7.9
8	2122210021	Võ Ngọc	Diệp	15/07/2004	CCQ2221A	102	Diệp	8,0	6.2	6.9
9	2122210038	Hồ Thị Bích	Dung	17/03/2004	CCQ2221A	101	Dung	8,4	6.0	7.0
10	2122210062	Đinh Thị Thùy	Dương	17/07/2004	CCQ2221B	104	Dương	7,4	5.2	6.1
11	2122210028	Phạm Quốc	Dương	25/10/2002	CCQ2221A	103		7,4	6.3	6.7
12	2122210054	Đỗ Nguyễn Tuấn	Duy	29/09/2004	CCQ2221B	102		8,5	7.0	7.6
13	2122210057	Hồ Thị Thùy	Duyên	22/08/2004	CCQ2221B	101	Duyên	8,5	7.8	8.1
14	2122210172	Lê Quỳnh	Giao	18/02/2004	CCQ2221A	104		7,7	5.7	6.5
15	2122210198	Trần Thị Ngọc	Huyền	20/08/2004	CCQ2221B	103		7,3	8.2	7.8
16	2122210171	Nguyễn Minh	Khang	28/09/2004	CCQ2221A	102		8,1	6.7	7.3
17	2122210032	Hoàng Thị Thanh	Lam	19/10/2004	CCQ2221A	101		6,4	4.8	5.4
18	2122210060	Nguyễn Văn	Lập	01/10/2003	CCQ2221B	104		7,7	5.8	6.5
19	2122210004	Phan Văn	Lịch	27/06/2004	CCQ2221A	103		8,1	8.2	8.1
20	2122210036	Hồ Yến	Linh	11/09/2004	CCQ2221A	102		8,0	6.3	7.0
21	2122210167	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	19/10/2004	CCQ2221A	101		8,1	5.3	6.4
22	2122210009	Trương Thùy	Linh	17/02/2004	CCQ2221A	104		6,9	5.0	5.8
23	2122210016	Võ Ngọc Anh	Linh	31/08/2004	CCQ2221A	103		7,0	7.5	7.3
24	2122210005	Nguyễn Phi	Long	11/01/2004	CCQ2221A	102		5,6	5.7	5.6
25	2122210027	Nguyễn Tạ Kim	Lưu	01/08/2004	CCQ2221A	101	Lưu	8,1	4.8	6.1
26	2122210031	~~Lê Thị~~	~~Ly~~	~~02/08/2004~~	~~CCQ2221A~~			~~0,0~~		0
27	2122210035	Trần Bảo	Ly	09/12/2004	CCQ2221A	103		8,4	6.0	6.9

Ngày in: 03/11/2023

Scanned with ACE Scanner

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034404)

Ngày thi: 07/11/2023 — Số SV có mặt: 45

Giờ thi: 14g45 — Số bài thi: 45

Phòng thi: A503 — Số tờ giấy thi: 45

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210094	Bùi Phúc Sỹ	Đan	22/12/2004	CCQ2221F	104		7,3	7.0	7.1
2	2122210072	Trần Thị Thu	Hiền	02/02/2004	CCQ2221B	103		7,3	5.3	6.1
3	2122210024	Phạm Thị Mỹ	Linh	03/05/2004	CCQ2221E	102		6,7	6.0	6.3
4	2122210111	Lê Công	Lực	29/06/2004	CCQ2221F	101	LCL	7,4	7.7	7.6
5	2122210003	Võ Thị Quỳnh	Như	25/05/2004	CCQ2221E	104		6,3	8.0	7.3
6	2122210018	Đoàn Hữu	Phước	25/05/2004	CCQ2221E	103		5,5	7.5	6.7
7	2121210110	Đoàn Thị Ngọc	Phương	15/01/2003	CCQ2121C	102		4,8	6.0	5.5
8	2122210138	Nguyễn Ngọc Tâm	Quyên	02/08/2002	CCQ2221F	101		6,6	6.7	6.7
9	2122210088	Lương Thị Hồng	Thắm	29/06/2004	CCQ2221F	104		7,4	6.5	6.8
10	2122210183	Võ Thuận	Thành	21/05/2004	CCQ2221F	103		9,1	6.8	7.7
11	2122210103	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/06/2004	CCQ2221F	102		6,0	7.0	6.6
12	2122210006	Bùi Thị Linh	Thi	02/07/2004	CCQ2221E	101		5,8	7.7	6.9
~~13~~	~~2122210163~~	~~Lâm Việt~~	~~Tiên~~	~~20/07/2004~~	~~CCQ2221F~~			0,8		
14	2122210192	Võ Thị Kiều	Tiên	01/08/2004	CCQ2221E	103		5,9	7.3	6.8
15	2122210083	Khổng Hà	Trâm	27/10/2004	CCQ2221F	104		5,9	6.5	6.2
16	2122210012	Phạm Thị Ngọc	Trâm	14/10/2004	CCQ2221E	101		5,9	7.3	6.7
17	2122210037	Trần Thị Thu	Trâm	25/03/2004	CCQ2221E	102		7,0	6.8	6.9
18	2122210033	Nguyễn Thị Quế	Trân	08/06/2004	CCQ2221E	103		8,2	7.3	7.6
19	2122210022	Trần Thị Nhả	Trân	18/03/2003	CCQ2221E	104		8,0	8.5	8.3
20	2122210187	Bùi Thiên	Trang	01/02/2004	CCQ2221F	101		4,3	6.8	5.8
21	2122210077	Nguyễn Thùy	Trang	19/12/2004	CCQ2221E	102		7,5	7.7	7.6
22	2122210107	Phan Thị Quỳnh	Trang	29/10/2004	CCQ2221F	103		6,2	7.2	6.8
23	2122210185	Trần Thị Huyền	Trang	24/09/2003	CCQ2221F	104		6,5	7.0	6.8
24	2122210078	Trần Công	Trí	26/10/2004	CCQ2221F	101		8,8	8.5	8.6
~~25~~	~~2122210069~~	~~Nguyễn Thị~~	~~Triều~~	~~29/09/2004~~	~~CCQ2221E~~			6,2		
26	2122210131	Lê Thị Ngọc	Trinh	10/10/2003	CCQ2221F	103		6,3	6.7	6.5
27	2122210068	Lê Thị Tuyết	Trinh	07/02/2004	CCQ2221E	104		8,0	5.0	6.2
28	2122210141	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	17/08/2004	CCQ2221F	101		5,4	6.8	6.3

Ngày in: 06/11/2023

Scanned with ACE Scanner

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ thịt, cá và sữa (23034404)

Ngày thi: 07/11/2023 — Số SV có mặt: 45

Giờ thi: 14g45 — Số bài thi: 45

Phòng thi: A503 — Số tờ giấy thi: 45

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122210104	Nguyễn Thị Việt	Trinh	21/04/2004	CCQ2221F	102		7,4	7.2	7.3
30	2122210047	Phan Nguyễn Thanh	Trinh	21/10/2004	CCQ2221E	103		1,8	6.8	4.8
31	2122210200	Quách Hoàng Phương	Trinh	06/04/2003	CCQ2221F	104		4,5	5.7	5.2
32	2122210065	Đoàn Huỳnh Như	Trúc	25/05/2004	CCQ2221E	101		8,1	8.3	8.2
33	2122210189	Nguyễn Quỳnh Thanh	Trúc	09/06/2004	CCQ2221F	102		5,9	5.0	5.4
34	2122210029	Nguyễn Mạnh	Trường	20/09/2004	CCQ2221E	103		6,7	6.3	6.5
35	2122210177	Nguyễn Cẩm	Tú	25/12/2004	CCQ2221E	104		7,4	6.0	6.5
36	2122210053	Phan Quỳnh Thủy	Tú	02/03/2004	CCQ2221E	101		5,8	6.2	6.0
37	2122210071	Phạm Cẩm	Tuyên	12/01/2004	CCQ2221E	102		7,5	5.8	6.5
38	2122210051	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	19/08/2004	CCQ2221E	101		5,3	6.8	6.2
39	2122210014	Đặng Thị	Tuyết	26/07/2004	CCQ2221E	103		6,5	5.2	5.7
40	2122210140	Bùi Văn	Ty	20/11/2004	CCQ2221F	104		6,8	4.3	5.3
41	2122210043	Thái Thị Hồng	Vân	07/10/2004	CCQ2221E	101		7,1	8.0	7.6
~~42~~	~~2122210074~~	~~Mai Thảo~~	~~Vi~~	~~02/10/2003~~	~~CCQ2221E~~			0,0		
43	2122210174	Nguyễn Thuý	Vi	20/03/2004	CCQ2221E	103		6,9	7.0	6.9
44	2122210180	Lâm Thuý	Vy	21/05/2004	CCQ2221F	104		7,4	6.5	6.8
45	2122210055	Trần Thúy	Vy	20/08/2004	CCQ2221E	101		6,1	6.5	6.3
46	2122210109	Hoàng Thị	Xuân	21/07/2004	CCQ2221F	102		6,3	5.0	5.5
47	2122210145	Diệc Khả	Yến	30/05/2004	CCQ2221F	103		6,6	4.3	5.2
48	2122210125	Nguyễn Thị Kim	Yến	29/05/2004	CCQ2221F	104		5,3	5.0	5.1

Scanned with ACE Scanner